

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG
22 – THÀNH CÔNG – BA ĐÌNH – HÀ NỘI
Mã số thuế: 0102006610

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2011

Hà nội, năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2 279 963 815 476	2 177 083 652 760
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	1 609 416 228 785	1 768 949 316 108
Tiền	111		87 766 228 785	124 199 316 108
Các khoản tương đương tiền	112		1 521 650 000 000	1 644 750 000 000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.4	252 809 719 110	261 118 636 010
Đầu tư ngắn hạn	121		358 373 439 299	350 189 850 499
Dự phòng giảm giá CK và đầu tư ngắn hạn (*)	129		(105 563 720 189)	(89 071 214 489)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.10	376 631 198 453	143 937 668 317
Phải thu khách hàng	131		11 669 906 667	12 947 828 574
Trả trước cho người bán	132		182 325 000	173 762 817
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		907 626 648	120 933 343 584
Các khoản phải thu khác	138		363 871 340 138	9 882 733 342
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.2	540 215 097	694 703 148
Công cụ, dụng cụ	143		540 215 097	694 703 148
Tài sản ngắn hạn khác	150		40 566 454 031	2 383 329 177
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5 074 976 635	1 131 139 517
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1 179 889 660	1 179 889 660
Tài sản ngắn hạn khác	158		34 311 587 736	72 300 000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		259 957 728 358	271 118 816 022
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Khoản phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		6 365 536 960	9 279 578 575
Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	3 670 593 836	5 236 918 931
- Nguyên giá	222		22 390 859 487	22 223 605 987
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(18 720 265 651)	(16 986 687 056)
Tài sản cố định vô hình	227	5.6	2 694 943 124	4 042 659 644
- Nguyên giá	228		7 033 462 200	6 774 528 000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4 338 519 076)	(2 731 868 356)
Chi phí XDCB dở dang	230		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		245 973 792 000	254 722 892 000
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		245 973 792 000	254 722 892 000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		7 618 399 398	7 116 345 447
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	536 156 117	163 107 276
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	5.8	3 426 117 378	2 532 299 921
Tài sản dài hạn khác	268		3 656 125 903	4 420 938 250
CỘNG	270		2 539 921 543 834	2 448 202 468 782

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
NỢ PHẢI TRẢ	300		86 246 383 007	133 949 025 449
Nợ ngắn hạn	310		86 107 028 882	132 970 200 180
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người bán	312		-	33 000 000
Người mua trả tiền trước	313		620 000 000	572 000 000
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	347 946 681	926 982 465
Phải trả người lao động	315		1 006 605 536	814 209 060
Chi phí phải trả	316	5.11	620 485 777	1 387 452 246
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	107 439 893	43 275 400
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	5.12	74 399 337 733	119 962 767 747
Phải trả hộ cổ tức gốc và lãi trái phiếu	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9 005 213 262	9 230 513 262
Dự phòng phải trả ngắn hạn	329			-
Nợ dài hạn	330		139 354 125	978 825 269
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	6.1	139 354 125	865 910 769
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1 012 500
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	111 902 000
Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2 453 675 160 827	2 314 253 443 333
Vốn chủ sở hữu	410		2 453 675 160 827	2 314 253 443 333
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2 025 000 000 000	2 025 000 000 000
Thặng dư vốn cổ phần	412		444 716 419 000	444 716 419 000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		280 010	5 333 008
Quỹ đầu tư phát triển	417			-
Quỹ dự phòng tài chính	418		13 530 413 994	13 530 413 994
<i>Dự trữ theo pháp định</i>			6 765 206 997	6 765 206 997
<i>Dự trữ theo điều lệ công ty chứng khoán</i>			6 765 206 997	6 765 206 997
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(29 571 952 177)	(168 998 722 669)
CỘNG NGUỒN VỐN	440		2 539 921 543 834	2 448 202 468 782

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 09 năm 2011

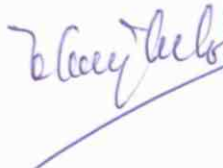
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
Vật tư chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
Ngoại tệ các loại	005	113,79	3721,88
USD		113,79	3721,88
Chứng khoán lưu ký	006	3 165 016 290 000	3 383 540 480 000
Chứng khoán giao dịch	007	2 066 827 640 000	1 824 261 420 000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	44 557 270 000	154 481 400 000
Chứng khoán cầm cố	017	1 042 477 340 000	1 354 837 340 000
Chứng khoán tạm giữ	022	1 415 340 000	4 166 320 000
Chứng khoán chờ thanh toán	028	9 738 700 000	45 794 000 000
Chứng khoán lưu ký Cty đại chứng chưa niêm yết	050	129 504 070 000	8 774 130 000
Chứng khoán giao dịch	051	8 451 240 000	8 427 130 000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	-	260 000 000
Chứng khoán cầm cố	061	-	-
Chứng khoán tạm giữ	066	120 952 830 000	-
Chứng khoán chờ thanh toán	070	100 000 000	87 000 000
Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
Chứng khoán chưa lưu ký của Cty chứng khoán	083	105 713 000 000	117 202 400 000

NGƯỜI LẬP



TRẦN THỊ NGỌC ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THUỶ LINH



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM VĨNH THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	T minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm cho đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	01		96 021 735 152	60 705 123 323	296 590 228 990	201 280 468 486
Trong đó						
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01 1		1 290 623 081	3 160 349 324	3 931 677 287	15 332 225 401
Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn	01 2		2 523 631 346	14 606 036 093	15 743 114 281	87 331 218 755
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01 3		-	-	-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01 4		-	60 000 000	-	1 527 530 000
Doanh thu hoạt động tư vấn	01 5		1 895 300 000	640 000 000	2 733 663 635	1 712 000 000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01 6		464 254 073	363 598 809	1 254 685 118	363 598 809
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01 7			80 172 792	270 946 953	87 858 958
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01 8		515 357 799	1 022 601 987	2 465 666 276	2 817 485 213
Doanh thu khác	01 9		89 332 568 853	40 772 364 318	270 190 475 440	92 108 551 350
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		96 021 735 152	60 705 123 323	296 590 228 990	201 280 468 486
Chi phí hoạt động kinh doanh	11		37 515 411 323	249 920 231 625	143 662 765 719	392 260 937 384
Trong đó: Dự phòng giảm giá chứng khoán			(49 773 645 000)	90 105 062 030	16 492 505 700	163 197 802 370
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		58 506 323 829	(189 215 108 302)	152 927 463 271	(190 980 468 898)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4 813 350 979	3 814 830 967	13 554 025 692	11 147 705 169
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53 692 972 850	(193 029 939 269)	139 373 437 579	(202 128 174 067)
Thu nhập khác	31		53 332 913	-	53 332 913	-
Chi phí khác	32		-	-	-	65 000 000
Lợi nhuận khác	40		53 332 913	-	53 332 913	(65 000 000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53 746 305 763	(193 029 939 269)	139 426 770 492	(202 193 174 067)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI 1	-	-	-	1 179 889 577
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		53 746 305 763	(193 029 939 269)	139 426 770 492	(203 373 063 644)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		265,41	(953,23)	688,5	(1004,3)

NGƯỜI LẬP

TRẦN THỊ NGỌC ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THUỶ LINH



Ngày 14 tháng 10 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM VĨNH THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG
Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý III năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	1	207 509 011 248	2 225 636 117 739
Tiền chi hoạt động kinh doanh	2	(371 303 605 617)	(1 581 824 746 048)
Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	5	(1 032 553 214)	(1 252 170 992)
Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	6	910 171 415 185	2 272 382 330 813
Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	7	(644 000 830 183)	(3 632 559 188 346)
Tiền thu bán chứng khoán phát hành	8	-	400 000 000 000
Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	9	-	(483 455 260 000)
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(4 362 878 540)	(19 063 442 793)
Tiền chi trả cho người lao động	11	(17 151 020 025)	(15 104 802 014)
Tiền chi trả lãi vay	12	-	(3 465 000 021)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	-	(1 538 584 268)
Tiền thu khác	14	45 059 532 769	466 625 080 112
Tiền chi khác	15	(409 359 625 813)	(481 959 193 110)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD chứng khoán</i>	<i>20</i>	<i>(284 470 554 190)</i>	<i>(855 578 858 928)</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(76 180 500)	-
Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	125 013 647 367	67 357 985 389
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>124 937 466 867</i>	<i>67 357 985 389</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1 026 528 095 000
Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>-</i>	<i>1 026 528 095 000</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(159 533 087 323)	238 307 221 461
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1 768 949 316 108	1 348 210 345 610
<i>Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ do đánh giá lại cuối kỳ</i>	<i>61</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1 609 416 228 785	1 586 517 567 071

NGƯỜI LẬP



TRẦN THỊ NGỌC ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THUỶ LINH

Ngày 14 tháng 10 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM VINH THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Quý III năm 2011

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
	T.M		Năm nay		Năm nay		
	Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	
1 Vốn đầu tư của CSH	1 000 000 000 000	2 025 000 000 000	1 025 000 000 000	-	-	2 025 000 000 000	2 025 000 000 000
2 Thặng dư vốn cổ phần	443 188 324 000	444 716 419 000	1 528 095 000	-	-	444 716 419 000	444 716 419 000
3 Vốn khác của CSH	-	-	-	-	-	-	-
4 Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại TS	-	-	-	-	-	-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	5 333 008	5 333 008	-	-	5 333 008	5 333 008
7 Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	280 010	-	280 010	280 010
8 Quỹ dự phòng tài chính	13 070 469 294	13 530 413 994	459 944 700	-	-	13 530 413 994	13 530 413 994
9 Các quỹ khác thuộc vốn CSH	49 280 082 306	(168 998 722 669)	-	218 278 804 975	139 426 770 492	(168 998 722 669)	(29 571 952 177)
10 Lợi nhuận chưa PP	1 505 538 875 600	2 314 253 443 333	1 026 993 372 708	218 278 804 975	139 427 050 502	2 314 253 443 333	2 453 675 160 827
Cộng							

NGƯỜI LẬP

Trần Thị Ngọc Anh

TRẦN THỊ NGỌC ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thủy Linh

NGUYỄN THUY LINH

Ngày 14 tháng 10 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM VĂN THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long là công ty cổ phần thành lập theo Luật Doanh nghiệp được Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013382 ngày 01 tháng 8 năm 2006 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động theo Quyết định số 18/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 10 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động các thay đổi về vốn đầu tư và ngành nghề kinh doanh đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lần lượt chuẩn y tại Quyết định số 281/QĐ-UBCK ngày 27/4/2007; Quyết định số 314/QĐ-UBCK ngày 16/5/2007; Quyết định số 93/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05/12/2007; Quyết định số 129/QĐ-UBCK ngày 20/5/2008; Quyết định số 188/QĐ-UBCK ngày 11/02/2009; Quyết định số 249/UBCK-GP ngày 14/07/2009; Quyết định số 277/UBCK - GP ngày 9/11/2009; Quyết định số 290/UBCK ngày 24/12/2009, Quyết định số 324/UBCK-GP ngày 25/5/2010.

Ngày 26/8/2008, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 550/QĐ-UBCK về việc chấp thuận lập chi nhánh công ty chứng khoán. Theo đó Công ty Cổ phần chứng khoán Kim Long được lập chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công bao gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Công ty là thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Trong Quý III năm 2011, không có hoạt động đáng kể nào làm thay đổi các chức năng hoạt động được cho phép.

Công ty được phép hoạt động trong thời gian 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 phố Thành Công quận Ba Đình thành phố Hà Nội và Chi nhánh tại Phòng 2 lầu 2 tòa nhà Centec Tower số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6 Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 30 tháng 09 năm 2011 tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 114 người. Trong đó số cán bộ quản lý là 26 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quý III năm 2011

3. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc tại ngày 31/12 năm dương lịch;

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2011 và kết thúc tại ngày 30/09/2011.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xử lý như sau:

- Đối với chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ là: tiền mặt, tiền gửi, các khoản công nợ ngắn hạn (từ 1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được phản ánh tại mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán, Đầu kỳ sau, số dư sẽ được hạch toán ngược lại để xoá số dư.

- Đối với chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản công nợ dài hạn (lớn hơn 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính thì được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

4.3. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quý III năm 2011

4.3.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.3.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Ghi nhận theo giá gốc;

Phương pháp xác định giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra: Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

- Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết được trích lập cho từng loại chứng khoán tự doanh đã niêm yết có giá khớp lệnh tại thời điểm kết thúc phiên giao dịch ngày 30 tháng 09 năm 2011 thấp hơn so với giá trên sổ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quý III năm 2011

- Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết do không thu thập được thông tin đáng tin cậy về giá các loại chứng khoán này tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính và không có quy định cụ thể làm căn cứ pháp lý để trích lập dự phòng đối với các loại chứng khoán này.

4.5 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm: phải trả Sở giao dịch chứng khoán tiền phí giao dịch chứng khoán, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán tiền phí lưu ký chứng khoán Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.6 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu của Công ty khi phát hành lần đầu và phát hành bổ sung;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lãi (lỗ) lũy kế từ các hoạt động kinh doanh của Công ty đến thời điểm báo cáo.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong kỳ được ghi nhận đầy đủ theo đúng chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán; Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán góp vốn; Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán; Doanh thu hoạt động tư vấn; Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán; Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản và Doanh thu khác. Phương pháp xác định như sau:

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư, doanh thu này được xác định vào cuối mỗi ngày.
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán góp vốn là khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của Công ty (được ghi nhận khi khớp lệnh thành công đối với cổ phiếu niêm yết và chuyển quyền sở hữu cổ phần cho người mua đối với cổ phiếu chưa niêm yết), thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu.
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán được xác định khi thực hiện quyết toán với tổ chức phát hành hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Quý III năm 2011

- Doanh thu hoạt động tư vấn là số phí Công ty được hưởng từ việc tư vấn đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư và tư vấn khác của Công ty đã thực hiện trong kỳ tài chính.
- Doanh thu lưu ký chứng khoán là số phí Công ty được hưởng từ các hoạt động lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư.
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản là khoản tiền thu được từ hoạt động cho thuê nhà của Công ty.
- Doanh thu khác bao gồm: lãi tiền gửi, tiền lãi cho vay vốn, lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

4.8 Các nghĩa vụ thuế

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế Giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán và Thông tư số 72/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 10/8/2006 sửa đổi bổ sung thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp các nghĩa vụ về thuế của Công ty như sau:

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán không thuộc diện chịu thuế GTGT.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo. Trong thời hạn 10 năm kể từ khi thành lập, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%. Sau thời hạn được áp dụng mức thuế suất ưu đãi nêu trên, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 25%.

Công ty đã thực hiện chuyển lỗ năm trước vào kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/9/2011. Sau khi chuyển lỗ không phát sinh thuế TNDN phải nộp.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Quý III năm 2011**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và tương đương tiền**

	Đơn vị: VND	
	30/09/2011	01/01/2011
Tiền mặt	62 194 627	32 516 116
Tiền gửi ngân hàng	87 704 034 158	124 166 799 992
<u>Trong đó:</u>		
<i>Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch CK</i>	74 380 868 659	113 719 517 785
Các khoản tương đương tiền	1 521 650 000 000	1 644 750 000 000
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	1 609 416 228 785	1 768 949 316 108

5.2 Hàng tồn kho

	Đơn vị: VND	
	30/09/2011	01/01/2011
Nguyên liệu vật liệu	-	-
Công cụ dụng cụ	540 215 097	694 703 148
Cộng	540 215 097	694 703 148

5.3 Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Đơn vị: VND	
	Khối lượng CK giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
Của Công ty chứng khoán	12 056 920	125 067 591 000
Cổ phiếu	12 056 920	125 067 591 000
Trái phiếu	-	-
Của người đầu tư	70 266 754	1 603 150 060 400
Cổ phiếu	62 666 754	764 300 860 400
Trái phiếu	7 600 000	838 849 200 000
Tổng cộng	82 323 674	1 728 217 651 400

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quý III năm 2011

5.4 Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiêu	Số lượng CK		Giá trị theo số kế toán		Tăng		So với giá trị trường		Giảm		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
	Đơn vị: VND											
I Chứng khoán T/mại	15 750 488	9 792 398	246 373 439 299	350 189 850 499	4 416 459 490	3 894 397 690	105 563 720 189	89 071 214 489	145 226 178 600	265 013 033 700		
<i>Cổ phiếu</i>	15 720 488	9 744 924	243 373 439 299	345 415 290 499	4 416 459 490	3 894 397 690	105 563 720 189	89 071 214 489	142 226 178 600	260 238 473 700		
<i>Trái phiếu</i>	30 000	47 474	3 000 000 000	4 774 560 000	-	-	-	-	3 000 000 000	4 774 560 000		
II Chứng khoán đầu tư	10 043 780	10 975 500	245 973 792 000	254 722 892 000	-	-	-	-	245 973 792 000	254 722 892 000		
<i>1 Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	10 018 500	10 945 500	243 445 792 000	251 722 892 000	-	-	-	-	243 445 792 000	251 722 892 000		
<i>Cổ phiếu</i>	10 018 500	10 945 500	243 445 792 000	251 722 892 000	-	-	-	-	243 445 792 000	251 722 892 000		
<i>Trái phiếu chính phủ</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
<i>Trái phiếu công ty</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2 Chứng khoán năm giữ đến ngày đáo hạn	25 280	30 000	2 528 000 000	3 000 000 000	-	-	-	-	2 528 000 000	3 000 000 000		
<i>Trái phiếu công ty</i>	25 280	30 000	2 528 000 000	3 000 000 000	-	-	-	-	2 528 000 000	3 000 000 000		
III Đầu tư góp vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
IV Đầu tư tài chính khác	-	-	112 000 000 000	-	-	-	-	-	112 000 000 000	-		
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>	-	-	112 000 000 000	-	-	-	-	-	112 000 000 000	-		

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Quý III năm 2011**5.5 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị: VND

	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị Quản lý</i>	<i>TSCĐ Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	1 685 730 744	2 700 947 515	17 203 839 806	633 087 922	22 223 605 987
- Mua trong kỳ	-	-	167 253 500	-	167 253 500
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1 685 730 744	2 700 947 515	17 371 093 306	633 087 922	22 390 859 487
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	617 327 559	697 162 075	15 410 412 810	261 784 612	16 986 687 056
- Khấu hao trong kỳ	178 872 939	170 107 641	1 297 066 103	87 531 912	1 733 578 595
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	796 200 498	867 269 716	16 707 478 913	349 316 524	18 720 265 651
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1 068 403 185	2 003 785 440	1 793 426 996	371 303 310	5 236 918 931
Tại ngày cuối kỳ	889 530 246	1 833 677 799	663 614 393	283 771 398	3 670 593 836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Quý III năm 2011

5.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VND

	<i>Phần mềm GD</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>TSCĐ vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	6 774 528 000	-	-	6 774 528 000
- Mua trong kỳ	258 934 200	-	-	258 934 200
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7 033 462 200	-	-	7 033 462 200
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu năm	2 731 868 356	-	-	2 731 868 356
- Khấu hao trong kỳ	1 606 650 720	-	-	1 606 650 720
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4 338 519 076	-	-	4 338 519 076
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	4 042 659 644	-	-	4 042 659 644
Tại ngày cuối kỳ	2 694 943 124	-	-	2 694 943 124

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị: VND

	30/09/2011	01/01/2011
1 Chi phí công cụ dụng cụ	36 820 886	40 923 757
2 Chi phí trả trước dài hạn khác	499 335 231	122 183 519
Cộng	536 156 117	163 107 276

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Quý III năm 2011**5.8 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán**

		Đơn vị: VND
		30/09/2011
1	Tiền nộp ban đầu	120 000 000
2	Tiền nộp bổ sung	3 299 143 987
3	Tiền lãi phân bổ trong năm	6 973 391
Cộng		3 426 117 378

5.9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

		Đơn vị: VND	
		30/09/2011	01/01/2011
1	Thuế giá trị gia tăng	207 891	13 955 701
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
3	Thuế thu nhập cá nhân	347 738 790	901 326 764
4	Thuế khác	-	11 700 000
Cộng		347 946 681	926 982 465

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG
Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Quý III năm 2011

5.10 Các khoản phải thu

Chi tiêu	Số đầu năm (VND)			Số phát sinh trong kỳ (VND)			Số cuối kỳ (VND)			Số dư phòng đặt lập (VND)
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi		
1 Phải thu của khách hàng	12 947 828 574	-	-	154 152 591 843	155 430 513 750	11 669 906 667	-	-	-	
2 Ứng trước cho người bán	173 762 817	-	-	1 492 902 501	1 484 340 318	182 325 000	-	-	-	
3 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	120 933 343 584	-	-	541 589 194 752	661 614 911 688	907 626 648	-	-	-	
- Phải thu của Sở (TTGDCK)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	300 496 554	-	-	3 020 236 189	3 154 840 496	165 892 247	-	-	-	
- Phải thu KH về thuế TNCN từ HD chuyển nhượng CK	24 023 030	-	-	814 072 423	832 285 052	5 810 401	-	-	-	
- Phải thu tổ chức phát hành (Bảo lãnh phát hành) CK	22 500 000 000	-	-	-	22 500 000 000	-	-	-	-	
- Phải thu TT lưu ký CK	98 108 824 000	-	-	537 754 886 140	635 127 786 140	735 924 000	-	-	-	
- Phải thu thành viên khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4 Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
5 Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6 Phải thu khác	9 882 733 342	-	-	668 330 656 816	314 342 050 020	363 871 340 138	-	-	-	
Tổng cộng	143 937 668 317	-	-	1 365 565 345 912	1 132 871 815 776	376 631 198 453	-	-	-	

Trong đó:

+ Số phải thu bằng ngoại tệ (quĩ ra USD): Không

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Quý III năm 2011**5.11 Chi phí phải trả**

		Đơn vị: VND	
		30/09/2011	01/01/2011
1	Phí lưu ký và chuyển khoản CK	160 001 027	210 000 000
2	Phí giao dịch chứng khoán	132 679 269	717 326 777
3	Lãi phải thanh toán cho nhà đầu tư	197 763 441	311 836 517
4	Chi phí phải trả khác	130 042 040	148 288 952
Cộng		620 485 777	1 387 452 246

5.12 Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

		Đơn vị: VND	
		30/09/2011	01/01/2011
1	Phải trả Sở GDCK	-	-
2	Phải vay quỹ hỗ trợ thành toán của các thành viên khác	-	-
3	Phải trả về chứng khoán giao nhận, đại lý phát hành	-	-
4	Phải trả trung tâm LKCK	2 524 824 000	1 152 540 000
5	phải trả tổ chức, cá nhân khác	71 874 513 733	118 810 227 747
Cộng		74 399 337 733	119 962 767 747

5.13 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

		Đơn vị: VND	
		30/09/2011	01/01/2011
1	Kinh phí công đoàn	85 421 200	42 692 800
2	Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	4 066 000	-
3	Các khoản phải trả phải nộp khác	17 952 693	582 600
Cộng		107 439 893	43 275 400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Quý III năm 2011

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1 Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

		Đơn vị: VND	
		30/09/2011	01/01/2011
1	Các khoản tiền nhận ký quỹ ký cược	139 354 125	865 910 769
2	Các khoản khác	-	-
Cộng		139 354 125	865 910 769

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2010 và kết thúc vào ngày 30/09/2010.

Số liệu so sánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2010.

7.2 Thông tin khác

Giải trình về việc kết quả kinh doanh Quý III/2011 biến động tăng hơn 10% so với Quý III/2010:

Lợi nhuận trước thuế của công ty Quý III năm 2011 là 53.746.305.763 đồng, so với cùng kỳ năm 2010 là (193.029.939.269) đồng. Nguyên nhân sự biến động trên là do trong Quý III năm 2011, công ty tiếp tục thực hiện chính sách bảo toàn vốn, đẩy mạnh hoạt động nguồn vốn.

NGƯỜI LẬP

TRẦN THỊ NGỌC ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THUỶ LINH



Ngày 14 tháng 10 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM VĨNH THÀNH